

Số: /TTr-HĐ GPMB

Triệu Sơn, ngày tháng 11 năm 2020

### **TỜ TRÌNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Di chuyển đường điện phục vụ GPMB dự án đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân (đoạn qua địa bàn huyện Triệu Sơn)**

Kính gửi: Chủ tịch ủy ban nhân huyện Triệu Sơn.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 quy định chi tiết thi hành 1 số Điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng công trình xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4492/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân;

Căn cứ Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt thiết kế BVTC và dự toán công trình: Di chuyển đường điện phục vụ GPMB dự án đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân (đoạn qua địa bàn huyện Triệu Sơn);

Căn cứ Quyết định số 951/QĐ-SGTVT ngày 20/8/2020 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán hạng mục cấm cọc GPMB, mốc lộ giới dự án: Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân;

Căn cứ Công văn số 4600/SGTVT-QLGT ngày 29/10/2020 của Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa về việc chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu đường điện thuộc phạm vi bảo vệ KCHTGT đường bộ tuyến đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân, thuộc địa phận huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán phần bổ sung số 115/BCTT-BN ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Công ty TNHH Đầu tư và xây

dựng Bảo Nhật, Hội đồng bồi thường GPMB dự án huyện trình Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn xem xét phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: Di chuyển đường điện phục vụ GPMB dự án đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân (đoạn qua địa bàn huyện Triệu Sơn) với các nội dung sau:

### **1. Khái quát chung:**

- Công trình: Di chuyển đường điện phục vụ GPMB dự án đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân (đoạn qua địa bàn huyện Triệu Sơn) được Chủ tịch UBND huyện phê duyệt thiết kế BVTC và dự toán tại Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 03/4/2020, với tổng mức đầu tư: 31.204.587.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	25.715.277.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	676.697.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	2.054.044.000 đồng
- Chi phí khác:	1.288.585.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	1.486.730.000 đồng
- Vật tư thu hồi:	16.747.000 đồng

- Loại, cấp quy mô công trình: Công trình công nghiệp, cấp III.

- Tên chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn.

- Địa điểm xây dựng: Các xã Hợp Thành, Hợp Tiến. Dân Lý, Thọ Tiến, Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn.

- Nhà thầu lập điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Sao Việt.

**2. Lý do điều chỉnh, bổ sung:** Theo Quyết định số 951/QĐ-SGTVT ngày 20/8/2020 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán hạng mục cấm cọc GPMB, mốc lộ giới dự án. Dự án điều chỉnh, bổ sung một số vị trí cọc GPMB, mốc lộ giới so với hồ sơ cấm cọc ban đầu: Đường gom dọc tuyến, mở rộng bán kính vượt nối đường gom dân sinh, cải mương. Để đảm bảo GPMB đúng phạm vi điều chỉnh dự án thì việc điều chỉnh, bổ sung hạng mục di chuyển đường điện phục vụ GPMB dự án là cần thiết.

### **3. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:**

#### **3.1. Di chuyển tuyến đường dây trung áp.**

##### **3.1.1. Đường dây 22kV lộ 471E9.17 nhánh rẽ Hợp Lý 3 từ cột 06 đến cột 12.**

- Điều chỉnh vị trí đặt cột 07, 08, 09, 10 ra khỏi mốc GPMB mới.

- Điều chỉnh dây dẫn trần lõi thép ACSR-95/16 bằng dây bọc cách điện ACSR/XLPE/HDPE-95/16 để hạn chế hành lang an toàn lưới điện 22kV.

a. Phương án chung:

Thiết kế theo cấp điện áp 22kV cho tuyến đường dây di chuyển trên.

b. Dây dẫn:

Đường dây 22kV lộ 471E9.17 nhánh rẽ Hợp Lý 3 từ cột 06 đến cột 12 kéo mới dây dẫn ACSR/XLPE/HDPE-95/16 (trong đó từ cột 08 đến cột 10 đi cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-3x240 22kV) chiều dài tuyến 407m.

c. Cột, móng, xà, sứ:

- Cột 07, 10 (mới):

+ Cột đôi LTMB 20 NPC.14.0 (cột néo góc); Móng MTK-8 (3,7m).

+ Xà: 01 bộ xà néo lệch 22kV cột đôi ngang XNL22-2TN; 06 chuỗi néo kép Polyme-22kV + 03 sứ VHD-22kV.

- Cột 08, 09 (mới):

+ Cột đôi LTMB 20 NPC.14.0 (cột néo góc); Móng MTK-8 (3,7m).

+ Xà: 01 bộ Xà phụ 1 22KV XP-1 + 01 bộ Xà phụ 2 22KV XP-2 + 02 bộ Xà phụ 3 22KV XP-3 + 01 bộ xà néo lệch 22kV cột đôi dọc XNL22-2TD + 01 bộ Xà đỡ đầu cáp cột đôi ngang XĐĐC-2TN + 01 bộ xà đỡ cầu dao và chống sét van cột đôi ngang XĐCD+CSV-2TN + 01 bộ ghé cách điện GCD-2TN + 01 bộ Thang treo + 01 Cỗ dè lắp tay thao tác cầu dao; 03 chuỗi néo kép Polyme-22kV + 13 sứ VHD-22kV + 01 bộ Chống sét van 22kV + 01 bộ Cầu dao phụ tải 22kV.

### **3.1.2. Đường dây 22kV lộ 471E9.17 nhánh rẽ Hợp Tiến 4 từ cột 06 đến cột 11.**

- Bổ sung đoạn đường dây từ cột 09 đến cột 11.

- Điều chỉnh dây dẫn trần lõi thép ACSR-95/16 bằng dây bọc cách điện ACSR/XLPE/HDPE-95/16 để hạn chế hành lang an toàn lưới điện 22kV.

a. Phương án chung:

Thiết kế theo cấp điện áp 22kV cho tuyến đường dây di chuyển trên.

b. Dây dẫn:

- Đường dây 22kV lộ 471E9.17 nhánh rẽ Hợp Tiến 4 từ cột 09 đến cột 11 kéo mới dây dẫn ACSR/XLPE/HDPE-95/16 có chiều dài tuyến 152m.

c. Cột, móng, xà, sứ:

- Cột 09 (mới):

+ Cột đôi LTMB 20 NPC.14.0 (cột néo góc); Móng MTK-8 (3,7m).

+ Xà: 03 bộ Xà phụ 1 XP-1 + 01 bộ xà néo lệch 22kV cột đôi ngang XNL22-2TN, 03 chuỗi néo kép Polyme-22kV, 03 chuỗi néo đơn Polyme-22kV+03 sứ VHD-22kV.

- Cột 10 (mới):

+ Cột đôi LTMB 20 NPC.14.0 (cột néo góc); Móng MTK-8 (3,7m).

+ Xà: 01 bộ xà néo lệch 22kV cột đôi ngang XNL22-2TN, 03 chuỗi néo kép Polyme-22kV, 03 chuỗi néo đơn Polyme-22kV.

- Cột 11:

- + Cột: Hiện trạng
- + Sứ: 03 chuỗi néo đơn Polyme-22kV.

d. Tiếp địa:

Các vị trí XD mới: Dùng tiếp địa RC-4

### **3.1.3. Đường dây 22kV lộ 471E9.17 nhánh rẽ Hợp Tiến 1 từ cột 02 đến cột 09.**

Bổ sung đoạn tuyến từ cột 02 đến cột 09 nhánh rẽ Hợp Tiến 4.

a. Phương án chung:

Thiết kế theo cấp điện áp 22kV cho tuyến đường dây di chuyển trên.

b. Dây dẫn:

Đường dây 22kV lộ 471E9.17 nhánh rẽ Hợp Tiến 1 từ cột 06 đến cột 09 kéo mới dây dẫn ACSR/XLPE/HDPE-95/16 có chiều dài tuyến 635m.

c. Cột, móng, xà, sứ:

- Cột 02:

+ Cột: Hiện trạng

+ Sứ: 03 chuỗi néo đơn Polyme-22kV.

- Cột 03 (mới):

+ Cột đôi LTMB 20 NPC.14.0 (cột néo góc); Móng MTK-8 (3,7m).

+ Xà: 01 bộ xà néo bằng 22kV cột đôi dọc XNB22-2TD +01 bộ xà néo lệch 22kV cột đôi dọc XNL22-2TD + 03 bộ xà phụ XP1; 06 chuỗi néo đơn Polyme-22kV + 03 sứ VHD-22kV.

- Cột 03A (mới):

+ Cột đôi LTMB 20 NPC.14.0 (cột néo góc); Móng MTK-8 (3,7m).

+ Xà: 01 bộ xà néo lệch 22kV cột đôi ngang XNL22-2TN, 06 chuỗi néo đơn Polyme-22kV.

- Cột 04, 05, 06, 07 (mới):

+ Cột đơn LTMB 20 NPC.14.0 (cột néo thẳng); Móng MT-8.

+ Xà: 01 bộ xà néo lệch 22kV cột đơn XNL22-1T; 06 chuỗi néo đơn Polyme-22kV.

- Cột 08, 08A (mới):

+ Cột đôi LTMB 20 NPC.14.0 (cột néo góc); Móng MTK-8 (3,7m).

+ Xà: 01 bộ xà néo lệch 22kV cột đôi ngang XNL22-2TN, 03 chuỗi néo kép Polyme-22kV, 03 chuỗi néo đơn Polyme-22kV.

- Cột 09 (mới):

+ Cột đôi LTMB 20 NPC.14.0 (cột néo góc); Móng MTK-8 (3,7m).

+ Xà: 01 bộ xà néo bằng 22kV cột đôi dọc XNB22-2TD +01 bộ xà néo lệch 22kV cột đôi dọc XNL22-2TD + 03 bộ xà phụ XP1; 06 chuỗi néo đơn Polyme-22kV + 03 sứ VHD-22kV.

d. Tiếp địa:

Các vị trí XD mới: Dùng tiếp địa RC-4

### **3.2. Di chuyển tuyến đường dây hạ áp.**

### **3.2.1. Dây dẫn:**

#### **3.2.1.1. Đường dây 0,4kV TBA Hợp Tiến 1**

- Điều chỉnh: Bổ sung từ cột 12/I kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x120mm<sup>2</sup> (trong đó từ cột 9/I đến cột 11/I đi cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x150mm<sup>2</sup>) chiều dài tuyến 129m.

- Bổ sung Nhánh rẽ từ cột 11/I đến cột 8E/I kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x70mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 260m.

- Bổ sung Nhánh rẽ từ cột 11/I đến cột 11.5/I kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x70mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 168m.

- Điều chỉnh Lộ B Từ cột 2B đến cột 5B kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x95mm<sup>2</sup> (trong đó từ cột 4B đến cột 5B đi cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x70mm<sup>2</sup>) chiều dài tuyến 191m.

#### **3.2.1.2. Đường dây 0,4kV TBA Hợp Tiến 2**

Bổ sung Lộ I Từ cột 05 đến cột 06 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x120mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 35m.

#### **3.2.1.3. Đường dây 0,4kV TBA Hợp Lý 3**

- Điều chỉnh Lộ A Từ cột A7 đến cột A16 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x120mm<sup>2</sup> (trong đó từ cột A11 đến cột A12 đi cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x150mm<sup>2</sup>) chiều dài tuyến 347m.

- Điều chỉnh Nhánh rẽ từ cột A11 đến cột A11/1 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x70mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 120m.

- Nhánh rẽ bắt đầu từ cột A12 đến cột A12.2 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x70mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 69m.

- Điều chỉnh Nhánh rẽ bắt đầu từ cột A13 đến cột A13.6 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x70mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 157m.

#### **3.2.1.4. Đường dây 0,4kV TBA Hợp Lý 4**

Điều chỉnh Nhánh rẽ từ cột A3/10 đến cột A3/13.1 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x70mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 115m.

#### **3.2.1.5. Đường dây 0,4kV TBA Hợp Lý 1**

Bổ sung Lộ 0.4kV bắt đầu từ cột 05 đến cột 11 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x70mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 197m.

Bổ sung NR bắt đầu từ cột 10 đến cột 10.2 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x70mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 88m.

#### **3.2.1.6. Đường dây 0,4kV TBA Thọ Tiến 1**

Điều chỉnh Lộ I từ cột 03 đến cột 06 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x120mm<sup>2</sup> (trong đó từ cột 02 đến cột 04 đi cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x120mm<sup>2</sup>) chiều dài tuyến 110m.

Bổ sung Nhánh rẽ từ cột 06 đến cột 13 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x70mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 239m.

Điều chỉnh Nhánh rẽ từ cột 2D/II đến cột 7D/II kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x70mm<sup>2</sup> (trong đó từ cột 3D/II đến cột 6D/II đi cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x70mm<sup>2</sup>) chiều dài tuyến 113m.

Điều chỉnh Nhánh rẽ từ cột 6D/II đến cột 8D/II kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x70mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 32m.

#### **3.2.1.7. Đường dây 0,4kV TBA Thọ Tiến 2**

Điều chỉnh Nhánh rẽ từ cột 3A/3 đến cột 7A/3 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x95mm<sup>2</sup> (trong đó từ cột 5A/3 đến cột 6A/3 đi cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x120mm<sup>2</sup>) chiều dài tuyến 167m.

Nhánh rẽ từ cột 6A/3 đến cột 6A.4/3 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x95mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 120m.

Điều chỉnh Nhánh rẽ từ cột 6A.4/3 đến cột 3B.2/3 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x95mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 99m.

Điều chỉnh Nhánh rẽ từ cột 10/2 đến cột 14/2 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x120mm<sup>2</sup> (trong đó từ cột 11/2 đến cột 12/2 đi cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x150mm<sup>2</sup>) chiều dài tuyến m.

Nhánh rẽ từ cột 11/2 đến cột 24A/2 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x95mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 782m.

Điều chỉnh Nhánh rẽ từ cột 3B/2 đến cột 13B/2 kéo mới cáp vặn xoắn ABC-4x70mm<sup>2</sup> chiều dài tuyến 289m.

### **3.2.2. Cột, xà, sứ, phụ kiện: Các vị trí điều chỉnh bổ sung**

+ Cột: Sử dụng loại LT 10 NPC.4.3; LTMB 12 NPC.7.2.

+ Móng: Móng bê tông đổ tại chỗ:

- Các vị trí cột đôi dùng móng MT-2C(tròn);

- Các vị trí cột đơn dùng móng MT-2(tròn).

+ Phụ kiện:

- Tủ lắp cầu dao 4 cực 300A lắp tại đầu đến cáp ngầm để thực hiện đóng cắt sửa chữa khi có sự cố.

- Ghép nhôm 3 bu lông (25-150) cho các vị trí cột néo và nối lưới.

- Tất cả các vị trí xây dựng mới đều dùng kẹp hãm phù hợp với chủng loại dây.

- Xà, cổ dè ... đều được mạ kẽm nhúng nóng theo quy định.

+ Tiếp địa lặp lại:

- Được bố trí tại các khoảng néo vượt đường, điểm đầu nối, rẽ nhánh, thay đổi tiết diện dây dẫn. Được thiết kế kiểu cọc tia hỗn hợp ký hiệu RC-2.

### **3.2.3. Hệ thống công tơ:**

+ Tận dụng lại hòm công tơ, hộp cầu đấu; Bổ sung gông để lắp hòm công tơ bao gom lên cột, đối với những hòm công tơ sắt bị hỏng sẽ thay mới hòm composite và toàn bộ phụ kiện chỉ tận dụng lại đồng hồ điện tử.

+ Đối với dây nguồn xuống hộp cầu đấu sẽ thay mới 5m/1hòm loại Cu/XLPE/PVC-4x50mm<sup>2</sup>;

+ Dây nguồn từ hộp cầu đấu xuống hòm công tơ thay mới 8m/1 (đối với cột LT10m).

+ Dây nguồn từ đường dây xuống hòm công tơ sẽ thay mới 8m/1 hòm(đối với cột LT10m).

- Hòm công tơ H1, H2 thay mới dây Cu/XLPE/PVC-2x16mm<sup>2</sup>;

- Hòm công tơ H4 thay mới dây Cu/XLPE/PVC-2x25mm<sup>2</sup>;

- Hòm công tơ 3 pha thay mới dây Cu/XLPE/PVC-4x25mm<sup>2</sup>;

- Tủ bù thay mới dây Cu/XLPE/PVC-4x35mm<sup>2</sup>;

+ Sau khi di chuyển hòm công tơ sang vị trí mới sẽ có một số vị trí dây ra sau công tơ về khách hàng bị thiếu hụt do đó sẽ bổ sung (30m/1hộ).

- Thép treo dây sau công tơ sử dụng loại  $\phi 4$  (30m/1hộ).

#### **4. Tổng giá trị dự toán sau điều chỉnh, bổ sung: 37.554.865.000 đồng.**

Trong đó:

<b>TT</b>	<b>Khoản mục chi phí</b>	<b>Theo Quyết định số QĐ số 2370/QĐ-UBND ngày 03/4/2020 (đồng)</b>	<b>Giá trị điều chỉnh, bổ sung (đồng)</b>	<b>Dự toán sau điều chỉnh, bổ sung (đồng)</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>25.715.277.298</b>	<b>5.535.668.166</b>	<b>31.250.945.464</b>
1	Đường dây trung áp	2.866.981.401	2.796.156.353	5.663.137.754
2	Đường dây hạ áp	22.848.295.897	2.739.511.812	25.587.807.709
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>676.697.189</b>	<b>191.146.622</b>	<b>867.843.811</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>2.054.044.459</b>	<b>632.051.362</b>	<b>2.686.095.821</b>
1	Chi phí khảo sát	420.595.000	150.199.901	570.794.901
2	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng	17.126.628	6.116.140	23.242.768
3	Chi phí thiết kế BVTC và DT	603.380.695	249.880.061	853.260.756
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	789.973.319	194.191.239	984.164.558
5	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	63.002.429	16.053.437	79.055.866
6	Chi phí thẩm tra dự toán	60.945.207	15.610.584	76.555.791
7	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu TVGS thi công XD	6.446.182	0	6.446.182
8	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu thi công XD	92.574.998	0	92.574.998
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>1.288.585.091</b>	<b>846.422</b>	<b>1.289.431.513</b>
1	Phí thẩm định dự án	2.616.645		2.616.645
2	CP thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu TVGS thi công XD	718.158		718.158
3	CP thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu thi công XD	23.377.525		23.377.525
4	Chi phí bảo hiểm công trình	61.716.666		61.716.666
5	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN	100.000.000		100.000.000

6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	90.110.718	296.716	90.407.434
7	Chi phí kiểm toán	320.571.740	549.706	321.121.446
8	Chi phí nghiệm thu đóng điện	689.473.641	0	689.473.641
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>1.486.730.202</b>	<b>0</b>	<b>1.486.730.202</b>
<b>A</b>	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>31.221.334.000</b>	<b>6.359.713.000</b>	<b>37.581.047.000</b>
<b>B</b>	<b>Vật tư thu hồi</b>	<b>16.747.000</b>	<b>9.435.000</b>	<b>26.182.000</b>
	<b>Còn lại (A-B)</b>	<b>31.204.587.000</b>	<b>6.350.278.000</b>	<b>37.554.865.000</b>

**5. Nguồn vốn:** Vốn GPMB của dự án.

Hội đồng bồi thường GPMB huyện trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình di chuyển đường điện phục vụ GPMB đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ đường tỉnh 514 đến đường vào Cảng hàng không Thọ Xuân (đoạn đi qua địa phận huyện Triệu Sơn) đề Hội đồng bồi thường GPMB có cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng KT-HT;
- Lưu: VT, HĐ GPMB.

**CHỦ TỊCH HĐ BT GPMB**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
**Lê Phú Quốc**